

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD1+BK4	7:25	22+0+0	0+0+0		12+0+5	0+0+0	chuyen 10 TD1-BK4
2		P10+TD2+TD3	7:25	0+4+16	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 p10-td2
3		TD5	8:00	12	0		13	0	f0
4		TD3+TD1+TD5	9:25	14+1+0	0+0+0		6+1+15	0+0+0	chuyen 1 td3-td1chuyen 1
5		PVD2+BK6	9:25	20+1	0+0		20+0	0+0	td1-td5

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 người P10 về đi bk6,



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2022	TO: TD5 - TD1 - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5					70	KHOAN	Russian
2	ASKAROV DENIS	TD5	35	1	15		86	KHOAN	Russian
3	HỒ HOÀN KIÊM	TD5	12-13	2	7		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	45	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	50-51	2	15		83	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẠO THANH SƠN	TD5	10	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TÙNG	TD5	08	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	09	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TÂN VINH	TD5	03-04	2	13		90	KHOAN	Vietnamese
10	TRÌNH ANH TRƯỜNG	TD5	26	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH HÙNG	TD5	06-07	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH DUY	TD5	11	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	75-76	2	15	11	62	KHOAN	Vietnamese
14	VI HÙNG CƯỜNG	TD5	05	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
15	VĂN ĐÌNH QUANG	TD5	19,22	2	10		63	KHOAN	Vietnamese
16	TU DƯƠNG DŨNG	TD5	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU VĂN PHONG	TD5	27	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
18	TÀ QUANG THANH	TD5	01-02,44	3	20		69	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANH VŨ	TD5	28	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD5	77	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN HẢI	TD5	25	1	6		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	28	174	1.492	11	12		CHUYỂN 10 PAX TỪ TD1 SANG BK4
2	TD1	0	0	0	0	0	0	+10	
3	BK4	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	28	174	1.492	11	17		
WEIGHT KG				174	1.492	11			

GRAND TOTAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P10 - TD2 - TD3	CREW: TTrung - MTHAO - QTrường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ MẠNH HÀ	TD2	72	1	8	15	72	DUNG QU	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC PHI	TD2	82	1	8		75	DUNG QU	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHAN	TD2	83-84	2	9		65	DUNG QU	Vietnamese
4	NGÔ VĂN SƠN	TD2	85	1	10		62	DUNG QU	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	57	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HỮU VŨNG	TD3	54	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG MINH TOAN	TD3	52	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
8	LAI THẾ ĐẠT	TD3	58-59	2	10		94	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH THOAI	TD3	56	1	5		94	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN NINH	TD3	48	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	47	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	50	1	9	15	76	KHOAN	Vietnamese
14	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	49	1	15	35	82	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3	51	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ DUY THÀNH	TD3	60	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	53	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM THANH DŨNG	TD3	55	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐO NGỌC SƠN	TD3	61	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ DỤC GIÁP	TD3	62-63	2	10		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	0	0	0	0	0	1	1	CHUYỂN 1 PAX TỪ P10-TD2
2	TD2	4	5	35	274	15	0		
3	TD3	16	17	120	1.220	50	21		
TOTAL		20	22	155	1.494	65	22		
WEIGHT KG				155	1.494	65			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2022	TO: TD5	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Trưởng - HHái	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	75	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VIÊN	TD5	79	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD5	81	1	16		68	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	78	1	17		65	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	TD5	73-74	2	22		65	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	76-77	2	22		65	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	TD5	72	1	5		79	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	80	1	14		85	SHINTRAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD5	71	1	10		65	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

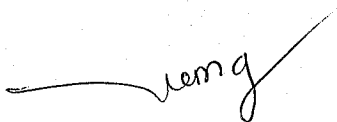
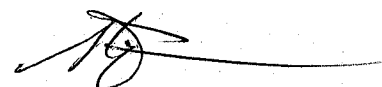
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	11	119	650	0	14		13 F0 VA I Y TE
	TOTAL	9	11	119	650	0	14		
	WEIGHT KG			119	650	0			

GRAND TOAL: 769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Giản Tam Đảo - 05

[illegible]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: TD3 - TD1 - TD5	CREW: Dương - Linh - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

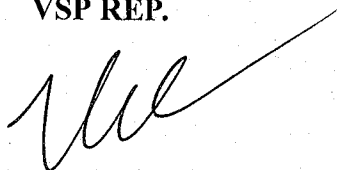
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC THANH	TD3	75-76	2	7		69	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN NGOC TUAN	TD3	70	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	72-73	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN TUAN	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	67	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT THANH LUÂN	TD3	71	1	4		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC HOÀN	TD3	69	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN ĐĂNG TUAN	TD3	77	1	12		60	DVL	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD3	74	1	16		72	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH MUỘI	TD3	68	1	10		72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HẢI	TD1	39	1	16		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

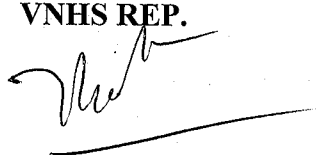
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	81	676	0	676		CHUYEN 1 PAX TD3-TD1 CHUYEN 1 PAX TD1-TD5
2	TD1	1	1	16	85	0	16		
3	TD5	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		11	12	97	761	0	22		
WEIGHT KG				97	761	0			

GRAND TOAL: 858 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2022	TO: PVD2 - BK6	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO -	ETA: 11:25
CAM-2		QTrường	

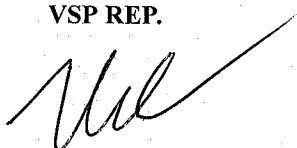
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT ANH	PVD2	25-26	2	18		85	PVD.DD	Vietnamese
2	TRẦN TUÂN NGHĨA	PVD2	20	1	8		60	PVDO	Vietnamese
3	VU VĂN QUYNH	PVD2	11	1	8		70	PVDO	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN CHAO	PVD2	18	1	10		76	PVDO	Vietnamese
5	TRẦN HUY NINH	PVD2	15	1	8		70	PVDO	Vietnamese
6	LÊ THANH NGỌC	PVD2	19	1	10		50	PVDO	Vietnamese
7	ĐO VĂN TIẾN	PVD2	31	1	9		55	PVDO	Vietnamese
8	GIANG VĂN TRÌNH	PVD2	27	1	10		75	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN PHUNG QUÊ	PVD2	22	1	5		72	PVDO	Vietnamese
10	LÊ QUANG HUNG	PVD2	23	1	10		63	PVDO	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN NGUYỄN	PVD2	21	1	5		50	PVDO	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRUNG	PVD2	24	1	6		62	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG DOANH	PVD2	12	1	4		65	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT NAM	PVD2	16	1	5		70	PVDO	Vietnamese
15	LÊ VĂN THANH	PVD2	17	1	8		74	PVDO	Vietnamese
16	TRẦN THẾ ĐĂNG	PVD2	32	1	10		80	PVDO	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC HUY	PVD2	13-14	2	12		80	ISOS	Vietnamese
18	BUI XUAN ĐIẾP	PVD2	30	1	8		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC HUY	PVD2	28-29	2	15		55	PSV	Vietnamese
20	ĐẠO VĂN TIẾN	PVD2	33-34	2	14		60	PSV	Vietnamese
21	TRẦN HỒNG THANH	BK6	68	1	15	15	70	XNXL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

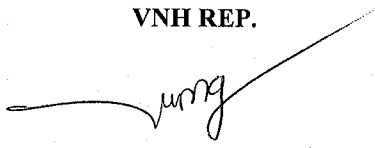
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	24	183	1.342	0	21		
2	BK6	1	1	15	70	15	0		
TOTAL		21	25	198	1.412	15	21		
WEIGHT KG				198	1.412	15			

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

